

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Thắng

2. Ông Lê Thị Chói

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân – Là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấ P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

Bị đơn: Anh Thái Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 01/10/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị với anh Thái Thanh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2002. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Do đó chị M đã về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh T từ năm 2011 đến nay. Do đó, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Thái Văn Q (nam) sinh ngày 15/7/1996. Hiện Thái Văn Q đã trưởng thành, tự lao động được nên không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đối với bị đơn anh Thái Thanh T, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Thái Thanh T. Tuy nhiên anh T đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Thái Thanh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Chị M và anh T có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H. Quá trình chung sống chị M và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2011 đến nay, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị M và anh Thái Thanh T được ly hôn.

[3] Chị Mua và anh Tùng có 01 con chung tên Thái Văn Q (nam) sinh ngày 15/7/1996 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu và Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Thái Thanh T được ly hôn.
2. Về con chung: Thái Văn Q (nam) sinh ngày 15/7/1996 đã trưởng thành, tự lao động được nên không đề cập giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Về nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Mua đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0017872 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm